

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoài, xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương - UBND huyện Quảng Xương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Quyết định số 4316/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoài, xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị tại kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoài, xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tại biên bản hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 03/12/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 07/CV-QLD ngày 14/01/2021 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng- UBND huyện Quảng Xương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 207/Tr-STNMT ngày 30/3/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoài, xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương - UBND huyện Quảng Xương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoàn, xã
Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh
Hóa của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương- UBND huyện
Quảng Xương

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Tân Đoàn, xã Quảng Tân (nay là thị trấn Tân Phong), huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

+ Người đại diện: Mai Đình Thủy.

+ Chức vụ: Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương

+ Địa chỉ: Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án 65.123,9 m², quy mô sử dụng đất: Đất ở: 29.832,9 m²; đất khuôn viên cây xanh: 2.352,8 m²; đất giao thông: 32.938,2 m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm: San nền toàn bộ diện tích thực hiện dự án; hệ thống đường giao thông; cấp nước và phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; cấp điện.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,45 m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,75m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,30 m³/ngày); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải vệ sinh thiết bị máy móc phát sinh khoảng 8,0 m³/ngày; chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng khoảng 1.086,3 m³/ngày; thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... chủ yếu chứa thành phần: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 10kg/ngày; thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa: 33.440 m³; Vật liệu xây dựng rơi vãi: 1.705,0 tấn; Đầu mẩu sắt thép thừa, gỗ cốp pha, bao bì xi măng,...: 27,3 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 10 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 14,5 lít/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án là 144m³/ngày, trong đó: Nước thải từ tắm, rửa tay, giặt: 57,6m³/ngày; Nước thải nhà vệ sinh: 43,2m³/ngày; Nước thải ăn uống: 43,2m³/ngày; thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 3.258,8 m³/ngày; thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động của máy phát điện dự phòng; hoạt động nấu ăn, các công trình xử lý nước thải... Thành phần bao gồm: Bụi, khí CO, SO₂, NO₂, H₂S, NH₃,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Tổng khối lượng rác thải sinh hoạt thông thường phát sinh từ dự án khoảng 1000 kg/ngày (rác thải dễ phân hủy chiếm 60%; rác thải tái chế chiếm 15%; rác thải khó phân hủy chiếm 25%). Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bì catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất thải rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa trong khu dân cư).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án khoảng 30 kg/tháng. Thành phần bao gồm: bóng đèn huỳnh quang thải, các thiết bị thải bỏ có thành phần CFC, pin, ắc quy thải, dầu mỡ thải, các loại linh kiện điện tử thải...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:*

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (cát, đá,...) được che chắn bằng bạt; không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại gần mương thoát nước; hạn chế thấp nhất lượng nước mưa chảy qua khu vực thi công kéo theo bùn đất vào hệ thống thoát nước chung của khu vực; quản lý dầu mỡ và vật liệu độc hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d \times r \times h = 1 \text{m} \times 1 \text{m} \times 1 \text{m}$) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 30m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên khơi thông, nạo vét cống, rãnh, không để bùn đất, rác xâm nhập vào đường thoát nước chung của khu vực.

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

** Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân, tắm rửa, giặt giũ được thu gom về 01 hố lắng nước thải có thể tích 3m^3 ($D \times R \times S = 2 \text{m} \times 1,5 \text{m} \times 1 \text{m}$); Nước thải ăn uống được thu gom vào 01 bể tách dầu mỡ có thể tích 1m^3 ($D \times R \times S = 1 \text{m} \times 1 \text{m} \times 1 \text{m}$) bố trí tại khu lán trại để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công thuê 05 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích: bồn nước là 400 lít và bồn phân là 500 lít; định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng kê đá hộc xung quanh, thể tích $V = 5,0 \text{ m}^3$ (kích thước $D \times R \times H = 2,5 \text{m} \times 2 \text{m} \times 1,0 \text{m}$) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí công nhân quét dọn đất, cát rơi vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường Phạm Tiến Năng.

- Phun tưới nước 04 lần/ngày và tăng tần suất nếu phát sinh nhiều bụi.

- Xây dựng hàng rào bằng tôn cao 2,5m, dài 500m xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công, các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng đựng rác thải 50 lít để thu gom rác thải sinh hoạt khu lán trại. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương để vận chuyển, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Bùn, đất hữu cơ trong quá trình bóc đất phong hóa được đưa về đống thải tại bãi đất trống, thôn Trung Phong, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương có diện tích 10 ha (theo biên bản thỏa thuận đống thải giữa chủ đầu tư và UBND thị trấn Tân Phong).

- Chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá, gạch thải và đất dư thừa từ quá trình đào đắp hố móng...được tận dụng làm vật liệu san nền tại chỗ hoặc vận chuyển đến bãi thải.

- Chất thải có khả năng tái chế như sắt thép, tôn, bao bì xi măng,...được thu gom và bán các đơn vị thu mua phế liệu.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 02 thùng chứa chất thải nguy hại: 01 thùng dung tích 200 lít để chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng dung tích 200 lít để chứa chất thải lỏng nguy hại, các thùng chứa đều có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại kho chứa tại khu lán trại của dự án. Kết thúc quá trình thi công xây dựng đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Trách nhiệm của các hộ dân:*

- Xây dựng bể tự hoại để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh; Xây dựng bể tách dầu mỡ để xử lý nước thải nhà ăn; lắp đặt lưới chắn rác để xử lý sơ bộ nước thải tắm giặt sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý trước khi thải ra môi trường;

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, thoát nước và đấu nối vào đường ống chờ do chủ đầu tư lắp đặt để dẫn về hệ thống thoát nước chung của dự án.

** Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

- Thiết kế thoát nước mưa đi riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 150 m³/ngày.đêm, để sẵn các vị trí chờ tại các lô đất để các hộ gia đình đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt QCVN14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi dẫn ra mương thoát nước thải chung dọc đường Phạm Tiến Năng sau đó thải ra sông Lý.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 150 m³/ngày đêm, quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải → Rãnh thu gom → Bể thu gom kết hợp điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương thoát nước thải chung của khu vực → sông Lý.

- Bố trí kinh phí để vận hành, duy trì hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Thực hiện việc quan trắc nước thải theo định kỳ; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải; đào tạo cán bộ vận hành hệ thống,...

** Trách nhiệm của UBND thị trấn Tân Phong:*

Quản lý việc xây dựng công trình xử lý nước thải sơ bộ tại các hộ gia đình gồm: bể tự hoại xử lý nước thải vệ sinh, bể tách dầu mỡ xử lý nước thải nhà ăn, lưới chắn rác xử lý nước thải tắm giặt và đấu nối vào vị trí chờ trên mương thu gom nước thải do chủ đầu tư xây dựng.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

Trồng cây xanh khu vực công viên các vị trí quy hoạch.

- Trách nhiệm của các hộ dân:

+ Chủ động vệ sinh hàng ngày đối với khu vỉa hè trong phạm vi phía trước mỗi khu nhà.

+ Để rác đúng quy định về thời gian và địa điểm;

+ Đối với khu vực nhà bếp phải trang bị bộ phận hút, lọc khói bếp trước khi thải ra môi trường.

- Trách nhiệm của UBND thị trấn Tân Phong:

+ Thuê đơn vị thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu dân cư nhằm giảm thiểu bụi bốc bay theo lớp bánh xe.

+ Những ngày nắng nóng phun nước tưới cây, rửa đường trong khu dân cư bằng xe tưới nước chuyên dụng.

+ Nạo vét định kỳ hệ thống cống rãnh.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Trách nhiệm của chủ đầu tư:*

- Xây dựng khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tập trung diện tích khoảng 100 m² gần với khu vực trồng cây xanh.

- Trang bị các thùng rác có nắp đậy đặt dọc các tuyến đường để thu gom chất thải rắn phát sinh. Mỗi vị trí đặt 2 thùng khác nhau để thu gom, phân loại CTR, các vị trí cách nhau 50m.

- Đặt biển báo cấm vứt rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng với tần suất 1 lần/ngày.

** Trách nhiệm của các hộ dân:*

- Thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn;
- Thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh vào các thùng chứa có nắp đậy để tránh sự phân huỷ của các chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học gây ô nhiễm môi trường và sức khoẻ cộng đồng do mùi hôi và nước rỉ rác.

** Trách nhiệm của UBND thị trấn Tân Phong:*

- + Tuyên truyền, phổ biến kiến thức nhằm nâng cao nhận thức người dân về thu gom, phân loại CTR cho người dân trong khu dân cư.
- + Xây dựng kế hoạch quản lý CTR cho khu dân cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.
- + Định kỳ 02 lần/ngày cử tổ vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng chứa rác trong khu dân cư và đưa về khu tập kết chất thải rắn chung của dự án.
- + Thuê đơn vị môi trường có chức năng định kỳ nạo vét thường xuyên, hệ thống cống rãnh, bùn bể tự hoại khu vực công cộng: 3-6 tháng/lần;
- + Hợp đồng với đơn vị môi trường địa phương thu gom và đưa đi xử lý CTR sinh hoạt và vệ sinh khu vực công cộng, chăm sóc cây xanh tại khu vực dự án với tần suất 1 lần/ngày.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- + Bố trí các thùng nhựa loại 100 lít màu đen tại các tuyến đường nội bộ, mỗi tuyến đường bố trí 02 thùng chứa CTNH rắn và lỏng riêng biệt.
- + Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Trách nhiệm của các nhà đầu tư thứ cấp

Thu gom, phân loại chất thải nguy hại và bỏ vào các thùng đựng CTNH do chủ đầu tư bố trí, nộp phí cho chủ đầu tư để hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

- Trách nhiệm của UBND thị trấn Tân Đồi:

Phổ biến các quy định, cách thức thu gom, phân loại chất thải nguy hại và quản lý theo đúng Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản lý chất thải nguy hại cho người dân và khách đến khu vực để thu gom CTNH chuyển vào các thùng chứa chất thải nguy hại theo các chủng loại quy định đã được dán nhãn bên ngoài thùng.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

a. Giám sát chất lượng khí thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.

- Vị trí giám sát:

- + Tại khu vực lán trại công nhân.

+ Tại khu vực thi công dự án.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

b. Giám sát chất lượng nước thải:

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), NH₄⁺ (tính theo N), NO₃⁻, Tổng N, Tổng P, PO₄³⁻, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 mẫu:

+ Nước thải sau bể lắng nước thải xây dựng trước khi thoát vào hệ thống thoát nước khu vực.

+ Nước thải sau bể xử lý nước thải ăn uống trước khi thoát vào hệ thống thoát nước khu vực.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

Giám sát chất lượng nước thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- *Chỉ tiêu giám sát:* pH; BOD₅; TSS; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 02 vị trí

+ NT1: Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ NT2: Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải tập trung

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.